TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN
Tỉnh Thái Nguyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 / 6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Thu Hà**
***Các Hội thẩm nhân dân :* 1. Ông Phạm Đức Long;**
2 .Ông Trần Tuấn Hưởng;.

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Hoàng Thị Tuyến** - Thư ký Toà án nhân dân TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia

Ngày 28/6/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 326/2019/TLST- HNGĐ ngày 26/ 4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56 / 2019/QĐXX -ST ngày 13 / 6/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên Đơn** : Chị Nguyễn Thị Huyền M, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Tổ X, phường C, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.
Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Kế toán; Văn hóa: Lớp 12/12.
(Có mặt tại phiên tòa)

***Bị Đơn** : Anh Hoàng Ánh D, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Tổ X, phường C, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.
Dân tộc: Kinh ; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: Lớp 12/12.
(có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền M trình bày:

Chị và anh Hoàng Ánh D kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ. H, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái cũng như trong việc làm ăn kinh tế, anh D không có trách nhiệm với gia đình, ngoài ra còn thường đối xử thô bạo với chị. Từ năm 2017 đến nay vợ

chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh D để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thái S, sinh ngày 14/8/2006 và Hoàng Đăng Q, sinh ngày 20/6/2011.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Đăng Q là 2000.000đ/ tháng, tính từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Ánh D trình bày: Anh xác nhận những thông tin mà chị M trình bày về thời gian kết hôn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng chị M trình bày như vậy là không đúng, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng trong việc làm ăn kinh tế. Nay chị M xin ly hôn**,** bản thân anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thái S, sinh ngày 14/8/2006 và Hoàng Đăng Q, sinh ngày 20/6/2011.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Hoàng Thái S đến khi trưởng thành, còn chị M nuôi dưỡng con chung Hoàng Đăng Q đến khi trưởng thành. Anh đảm bảo được việc chăm sóc, giáo dục tốt cho cháu S, chị M một mình nuôi hai cháu sẽ rất vất vả, vì chưa có chỗ ở ổn định, vẫn phải đi thuê nhà.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2017 cháu Hoàng Thái S và cháu Hoàng Đăng Q có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về toàn bộ nội dung của vụ án nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, Tòa án đã lập biên bản hòa giải không thành và đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hôi đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Huyền M và anh Hoàng Anh D đều có nơi cư trú tại thành phố Thái Nguyên như vậy theo quy định tại Điều 28, 35, điểm a,

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị Huyền M và anh Hoàng Ánh D kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Chị M trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc giáo dục con chung và trong việc làm ăn kinh tế. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không hòa giải được, từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai, tại phiên toà hôm nay, chị M vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn để giải phóng cho nhau. Anh Hoàng Ánh D cũng nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm không còn.

HĐXX thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Huyền M và anh Hoàng Ánh D đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự tan vỡ, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không ai còn quan tâm đến ai, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được, Tại phiên toà, chị M, anh D nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau, việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M và anh D là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thái S, sinh ngày 14/8/2006 và Hoàng Đăng Q, sinh ngày 20/6/2011.

Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành, còn anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Thái S đến khi trưởng thành.

Về cấp d□ỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Đăng Q là 2000.000đ/ tháng, tính từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

" 1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con ch□a thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thoả thuận về ng□ời trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Tr□ờng hợp không thoả thuận đ□ợc thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Con d□ới 36 tháng tuổi đ□ợc giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ tr□ờng hợp ng□ời mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn, chị M và anh D đều có nguyện vọng đ□ợc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì cả chị M và anh D đều đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng của con chung là muốn được ở với mẹ. Tuy nhiên hiện nay chị M chưa có chỗ ở ổn định vẫn phải đi thuê nhà. một mình chị M phải nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung sẽ rất vất vả. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh việc xáo trộn cuộc sống và việc học tập của các con nên Hội đồng xét xử quyết định, giao cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục 01 con chung Hoàng Đăng Q sinh ngày 20/6/2011 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục 01 con chung Hoàng Thái S, sinh ngày 14/8/2006 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy chị M và anh D mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH chị M phải nộp 300.000đ án phí LHST vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28,35, 39, 146, 147, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51,55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2017/NQ-326/ 2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huyền M.

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền M và anh Hoàng Ánh D.

Về con chung:

Giao cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục 01 con chung Hoàng Đăng Q sinh ngày 20/6/2011 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục 01 con chung Hoàng Thái S, sinh ngày 14/8/2006 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Chị M, anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lại thu số 0001609 ngày 26 / 4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị M, anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

NƠI NHẬN
- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN
- Đương sự
- Lưu HS; BP
- UBND xã H, huyện Đ.H, TN.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TRẦN THỊ THU HÀ

NƠI NHẬN
- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN
- Đ- ơng sự
- L- u HS; BP
- UBND phường Túc Duyên, TPTN.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TRẦN THỊ THU HÀ